

**PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX**

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Cần nắm được :

- Chính sách của thực dân Pháp sau khi khuất phục được triều đình Huế.
- Sự phân hoá trong giai cấp thống trị ở Việt Nam, hành động của phe chủ chiến tháng 7 – 1885.
- Diễn biến phong trào Cần vương (1885 – 1896).
- Về các cuộc đấu tranh tự phát trong phong trào yêu nước nửa cuối thế kỉ XIX.

2. Về kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng miêu tả, sử dụng lược đồ, lập bảng biểu thống kê, so sánh, tổng hợp, nhận xét, phê phán và rút ra kết luận trong quá trình học tập lịch sử.
- Vận dụng phương pháp tư duy lôgic về một vấn đề lịch sử cụ thể.

3. Về thái độ

- Thấy được tinh thần bất khuất của nhân dân, tiếp tục chống xâm lược khi triều đình phong kiến đầu hàng.

– Khâm phục gương hi sinh oanh liệt của thế hệ cha anh vì sự nghiệp cứu nước.

– Thấy được những hạn chế của ngọn cờ lãnh đạo của giai cấp phong kiến.

– Thấy rõ sức mạnh của giai cấp nông dân và sự cần thiết phải có một lực lượng xã hội tiên tiến để lãnh đạo công cuộc giải phóng (dân tộc và giai cấp) ở nước ta.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Lịch sử Việt Nam cuối thế kỉ XIX gắn liền với quá trình bình định quân sự, thiết lập bộ máy nô dịch và bóc lột của thực dân Pháp trên đất nước ta và trên toàn cõi Đông Dương. Tuy nhiên, nội dung cơ bản của giai đoạn lịch sử này vẫn là cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống các cuộc hành quân chiếm đóng của thực dân Pháp, bảo vệ và khôi phục nền độc lập, tự do thiêng liêng của dân tộc.

Trọng tâm của mục 1 là sự bùng nổ và diễn biến của cuộc kháng chiến trong phong trào Cần vương. Đó chính là sự trỗi dậy của tinh thần yêu nước vốn có của bộ phận quan lại chủ chiến ở triều đình cũng như ở các địa phương. Song trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, tinh thần đó thường được biểu hiện thông qua ý thức hệ phong kiến. Hành động của họ cũng không phải chủ yếu là nhằm vào phái chủ hoà mà chủ yếu là nhằm vào thực dân Pháp. Điều này trái ngược với quan điểm của một số sử gia thực dân cho rằng cuộc nổi dậy ở Huế năm 1885 cơ bản là biểu hiện của sự xung đột về mặt quyền lợi giữa các phe phái trong triều đình, nhất là từ khi Tự Đức mất (7 – 1883). Cần đặc biệt chú ý, sở dĩ phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường cầm đầu chỉ có thể mạnh tay hành động, khi họ nhận được sự hậu thuẫn của đông đảo tầng lớp nhân dân và các quan lại có chủ trương kháng chiến. Họ đã từng nuôi dưỡng tinh thần phản kháng suốt mấy chục năm, kể từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Điều này còn được minh chứng bằng sự kiện nhân dân lập tức đứng lên khi chiếu Cần vương phát ra và tinh thần chiến đấu của họ không hề vơi giảm khi vua Hàm Nghi (nhân vật trung tâm) bị bắt và một số quan lại chủ chốt của phong trào đã bỏ sang Trung Quốc.

Mục 2 giới thiệu những cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần vương, đó là các cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê. Mỗi cuộc khởi nghĩa có một đặc điểm riêng : nổ ra trên địa bàn nhiều tỉnh vùng đồng

bằng châu thổ sông Hồng, chiến thuật du kích là chủ yếu (khởi nghĩa Bãi Sậy) ; xây dựng căn cứ chính ở một nơi, tập trung quân và vũ khí, thực hiện lối đánh chiến tuyến (khởi nghĩa Ba Đình) ; dựa vào vùng rừng núi, áp dụng nhiều chiến thuật : du kích, đánh đồn, chống càn, cơ động... ; trình độ tổ chức tương đối cao (khởi nghĩa Hương Khê).

Khi trình bày các cuộc khởi nghĩa nói trên, GV chú ý cho HS tìm hiểu các nhân vật, địa danh, các sự kiện lịch sử địa phương có liên quan đến phong trào Cần vương, nhằm khắc sâu hình ảnh anh hùng của cha ông ta trong cuộc chiến đấu không cân sức với thực dân Pháp.

Vì đây là một trong những bài học có nội dung phong phú, có thể sử dụng nhiều phương pháp và tận dụng được các thiết bị dạy học hiện đại (phim ảnh, băng hình, sơ đồ, lược đồ, dạy trên thực địa, dạy trong bảo tàng...), GV cần có sự chuẩn bị chu đáo để gây hứng thú học tập cho HS.

Khi học xong phong trào Cần vương, GV nên có gợi ý để HS nhận xét về tất cả các cuộc khởi nghĩa lớn, rút ra đặc điểm, nguyên nhân thất bại và bài học lịch sử chung.

Mục 3, về khởi nghĩa Yên Thế và phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi.

Nội dung của mục này đề cập đến một loại hình đấu tranh chống đế quốc và phong kiến của nông dân và của đồng bào các dân tộc sống ở miền núi cuối thế kỉ XIX. Đặc điểm lớn nhất của các phong trào này là dường như không có những mối liên hệ trực tiếp, cũng không có chi tiết nào cho thấy nó chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi yếu tố Cần vương.

Có rất nhiều cuộc nổi dậy, nhưng tiêu biểu là khởi nghĩa Yên Thế, phong trào ở Đông Bắc, Tây Bắc (Bắc Kì), Tây Nguyên và Tây Nam Kì...

Sau khi dạy bài này, GV cần chú ý nhấn mạnh truyền thống yêu nước, bất khuất, đoàn kết chống giặc ngoại xâm của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được phát huy cao độ qua các thời kì lịch sử.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

- Lược đồ những địa điểm nổ ra các cuộc khởi nghĩa Cần vương.
- Lược đồ về các cuộc khởi nghĩa riêng lẻ.
- Bộ tư liệu tranh, ảnh về phong trào đấu tranh vũ trang cuối thế kỉ XIX.
- Tài liệu tham khảo (truyện kể, văn thơ yêu nước cuối thế kỉ XIX).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài mới

Bằng nhiều cách, GV có thể giới thiệu chung về những nội dung lịch sử sẽ đề cập đến trong bài (hoặc riêng cho từng tiết học). Nếu đã giới thiệu kĩ ở phần này thì ở các tiết học chỉ cần lướt qua.

2. Dạy và học bài mới

Mục 1 – Cuộc phản công của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế. Phong trào Cần vương bùng nổ và phát triển

1. Tình hình Việt Nam sau Hiệp ước Hác măng (1883) và Hiệp ước Patonốt (1884)

Trước hết, GV nêu câu hỏi : Sau hai hiệp ước 1883 và 1884, thực dân Pháp đã gặp khó khăn như thế nào khi tổ chức chế độ bảo hộ ở Việt Nam ?

Hoạt động của phái chủ chiến đã có ảnh hưởng như thế nào đối với dân chúng và với âm mưu của thực dân Pháp, nhất là đối với phong trào nhân dân và quan lại yêu nước (không dám hành động, lúng túng trong cách xử trí trước tình hình mới, nhất là khi họ vẫn đang bị chi phối bởi tư tưởng "trung quân", chỉ biết treo ấn từ quan, về ở ẩn, hoặc xung vào quân đội nhà Thanh để chống Pháp, hoặc chờ thời để hành động (trường hợp của Tuần phủ Đỗ Quang, Tân tương Nguyễn Thiện Thuật, Tuần phủ Lã Xuân Oai, Nguyễn Quang Bích...).

Hành động của thực dân Pháp tất nhiên vấp phải sự phản ứng của nhân dân Việt Nam.

Kết thúc mục 1, GV có thể tự khái quát, hoặc đặt câu hỏi gợi mở cho HS trả lời, rút ra kết luận nhằm đi tới giải thích nguyên nhân của cuộc phản công tại Kinh thành Huế (7 – 1885).

2. Cuộc phản công của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế (7 – 1885). Phong trào Cần vương bùng nổ

GV dùng lược đồ Kinh thành Huế, giới thiệu ngắn gọn kế hoạch của Tôn Thất Thuyết và diễn biến tình hình.

Cần khẳng định tính chất chính nghĩa và tác dụng của cuộc phản công.

Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến là nhằm gây nên một sự biến chuyển cơ bản, buộc quân Pháp phải thay đổi thái độ. Nhưng ý đồ đó chỉ thực hiện được một phần. Nhiều quan lại và hoàng thân quốc thích vì hèn nhát, không chịu đựng được gian khổ đã không theo kháng chiến mà quay về với triều đình.

Trong khi phân tích bản chất giai cấp của những người nói trên, cần biểu dương ý chí của Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn... và những người trung thành với cuộc đấu tranh của cả dân tộc.

GV giải thích cho HS hiểu được khái niệm "Cần vương" hay phong trào Cần vương. Cần lưu ý đến một chi tiết quan trọng : Trong khi mượn lời Hàm Nghi viết chiếu Cần vương, Tôn Thất Thuyết trong chừng mực nào đó, dù vô tình hay hữu ý, đã chú ý gắn quyền lợi của nhân dân với quyền lợi của triều đình và của dân tộc, vì thế cuộc phản công của phái chủ chiến trong Kinh thành Huế và sự kiện vua Hàm Nghi rời bỏ Kinh thành đã có tác dụng thúc đẩy và cổ vũ phong trào kháng chiến của nhân dân ta (đối với quan lại chủ chiến các nơi thì có một chủ nghĩa để tôn thờ, còn đối với nhân dân thì có tác dụng như châm một mồi lửa làm bùng cháy tinh thần yêu nước vốn có, cố kết lại thành một cao trào, trong lúc ở nước ta chưa có một giai cấp tiên tiến, đủ mạnh để nuôi dưỡng, phát huy nó).

Kết thúc mục, GV cần khái quát toàn bộ sự kiện lịch sử này để khẳng định ý nghĩa của nó trong cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cuối thế kỉ XIX. Đây là sự kiện có nguồn gốc trong truyền thống yêu nước, có nội dung đề cao hơn nữa quyền lợi dân tộc và có tác dụng tập hợp lực lượng kháng chiến đang còn tản mạn, hình thành một phong trào mạnh với những trung tâm lớn, gây cho Pháp nhiều tổn thất và cản trở công cuộc bình định của chúng.

3. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương

GV sử dụng lược đồ những địa điểm nổ ra các cuộc khởi nghĩa Cần vương để giới thiệu khái quát về quy mô, mật độ dày đặc của phong trào.

Cần nhấn mạnh một số trung tâm lớn ở khu vực Đông Bắc, Tây Bắc, Đồng bằng Bắc Kỳ, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

- Về tổng thể diễn biến của phong trào Cần vương, có thể chia làm hai giai đoạn : giai đoạn 1 : 1885 – 1888 và giai đoạn 2 : 1888 – 1896.

Ở giai đoạn 1, GV lưu ý HS chú ý đến các đặc điểm : phong trào nổ ra rầm rộ, rộng khắp và có vua Hàm Nghi tham gia. Tại các tỉnh từ Phú Yên trở ra Bắc, đâu đâu cũng có khởi nghĩa Cần vương ; lực lượng tham gia là các sĩ phu, văn thân (chỉ chung các nhà nho, kể cả những người đỗ đạt hoặc không đỗ đạt, làm quan hay không làm quan) ; có đông đảo nông dân và đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia (Thái, Mường, Rục, Vân Kiều...). Ở giai đoạn 2, khi vua Hàm Nghi bị bắt, phong trào có suy giảm đôi chút về số lượng các cuộc khởi nghĩa nhưng lại tập

trung hơn. Một số cuộc khởi nghĩa ở giai đoạn 2 có quy mô rộng lớn và hình thức tổ chức cao hơn giai đoạn 1.

Quần chúng nhân dân đã hưởng ứng lời kêu gọi của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết mà nổi dậy khởi nghĩa (chịu đựng gian khổ, vượt mọi khó khăn để giúp đỡ nhà vua, lúc vua gặp hoạn nạn). Phong trào này trước đây còn được gọi là Phong trào Văn thân vì chủ yếu là do văn thân phát động và lãnh đạo.

Trong phong trào đấu tranh, Hàm Nghi với sự giúp đỡ của Tôn Thất Thuyết và sự hưởng ứng của các sĩ phu, văn thân đã hưởng mũi nhọn đấu tranh của nhân dân vào kẻ thù chính là thực dân Pháp và bộ phận phong kiến đầu hàng, cho nên khẩu hiệu Cần vương (giúp vua) vẫn đáp ứng ở mức độ nhất định yêu cầu trước mắt của dân tộc. Vì vậy, về cơ bản, đây vẫn là một phong trào dân tộc, phản ánh mâu thuẫn chủ yếu giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và phong kiến chứ không còn phản ánh mâu thuẫn giữa phong kiến và đế quốc nữa. Lúc này, lợi ích của giai cấp phong kiến đã dần dần hoà nhập làm một với lợi ích của đế quốc và được đế quốc bảo vệ. Còn đế quốc Pháp thì trong thực tế, chúng đã có ý thức biến phong kiến Việt Nam thành chỗ dựa và sử dụng phương thức phong kiến để bóc lột nhân dân Việt Nam.

Phong trào Cần vương là phong trào kháng chiến rộng lớn, thể hiện truyền thống và khí phách anh hùng của dân tộc ta, nuôi dưỡng năng lực chiến đấu của nhân dân ta, để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho cuộc đấu tranh yêu nước ở giai đoạn sau này.

Mục II – Các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần vương

1. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892)

– Về căn cứ khởi nghĩa, GV dùng lược đồ để giới thiệu cho HS khu vực Bãi Sậy, nói rõ đây là địa danh lịch sử, đã từng là căn cứ của Triệu Quang Phục chống quân Lương (gồm địa phận các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên). Đây là vùng đất hoang hoá, do bị vỡ đê liên tiếp nhiều năm, nhân dân không cày cấy được, biến thành vùng lau sậy um tùm.

Ngoài căn cứ Bãi Sậy, còn có căn cứ Hai Sông (Kinh Môn, Hải Dương) do Đốc Tít phụ trách, từ đây họ bắt liên lạc với toán quân hoạt động ở Đông Triều, Quảng Yên, Cát Bà.

– Về lãnh đạo khởi nghĩa, từ năm 1883, tại vùng Bãi Sậy có các toán nghĩa quân chống Pháp do Đinh Gia Quế cầm đầu. Từ năm 1885 trở đi, vai trò lãnh đạo thuộc về Nguyễn Thiện Thuật (xem SGK).

– Diễn biến cuộc khởi nghĩa

+ Từ năm 1885 đến năm 1887, nghĩa quân bẻ gãy nhiều cuộc tấn công của Pháp, vào căn cứ Bãi Sậy và các làng thuộc hai huyện Khoái Châu và Văn Giang ; còn tại căn cứ Hai Sông, tháng 11-1885, nghĩa quân liên tiếp đẩy lui các trận càn của quân Pháp.

+ Năm 1888, quân Pháp tập trung lực lượng, quyết tiêu diệt bằng được cuộc khởi nghĩa.

GV phân tích thủ đoạn của giặc : lập đồn bốt, mua chuộc, mị dân, sử dụng tên tay sai Hoàng Cao Khải đem quân phối hợp đàn áp, hình thành thế bao vây bốn phía...

Tuy nhiên, nghĩa quân vẫn duy trì và đẩy mạnh nhiều hoạt động, đánh một số trận lớn như trận Liêu Trung (11 – 1888), trận Lang Tài, Bắc Ninh (1889). Công tác vận động nguy binh trở về hàng ngũ kháng chiến đạt nhiều kết quả, đưa hàng trăm lính khổ xanh chạy về với nghĩa quân (9 – 1889).

Từ năm 1889, tình thế ngày một khó khăn. Nguyễn Thiện Thuật giao lại binh quyền cho em trai và một số tướng lĩnh khác, vượt vòng vây sang căn cứ Hai Sông. Đến khi Đốc Tít phải ra hàng (12 – 8 – 1889) thì khởi nghĩa Bãi Sậy thất bại về cơ bản.

Một số thủ lĩnh còn lại cố khôi phục hoạt động nhưng không thành công. Nguyễn Thiện Kế (em Nguyễn Thiện Thuật) bị Pháp bắt, bị đưa đi đày. Năm 1892, Đốc Vinh là thủ lĩnh cuối cùng của phong trào rơi vào tay giặc. Đến đây, khởi nghĩa hoàn toàn thất bại.

GV cho HS nêu nhận xét về những đặc điểm nổi bật của khởi nghĩa Bãi Sậy, ý nghĩa của nó trong phong trào chống Pháp nói chung ở thế kỉ XIX ; liên hệ tới cuộc kháng chiến ở vùng đồng bằng trong giai đoạn sau này.

2. Khởi nghĩa Ba Đình và khởi nghĩa Hùng Lĩnh

a) Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887)

GV giới thiệu ngắn gọn vị trí Ba Đình, giải thích địa danh Ba Đình và lí do Trần Xuân Soạn, Phạm Bành, Đinh Công Tráng chọn nơi đây làm căn cứ kháng Pháp (án ngữ trực đường huyết mạch từ Ninh Bình vào Thanh Hoá, có đường tiếp tế từ phía biển vào...).

Cách xây dựng căn cứ Ba Đình khá độc đáo : lợi dụng ngay các lũy tre làng và vùng đất lầy thụt làm chiến tuyến tự nhiên. Ngoài căn cứ chính (Ba Đình) còn

có các căn cứ khác, trong đó tiêu biểu nhất là căn cứ Mã Cao (ở phía tây bắc Ba Đình), làm nhiệm vụ cảnh báo và phòng bị khi căn cứ chính bị tấn công. Tuy nhiên căn cứ Ba Đình cũng có những điểm bất lợi : nằm giữa cánh đồng bằng phẳng, ngập nước, dễ bị phát hiện, nếu bị tấn công khó thoát ra ngoài...

GV có thể dẫn ra nhận xét sau đây của một sĩ quan Pháp về công sự Ba Đình : "Bên trong Ba Đình khiến chúng tôi hết sức ngạc nhiên và chúng tôi thành đã được xây dựng với một kĩ thuật cao. Đường công sự đã có thể đánh xiên cạnh sườn bất cứ chỗ nào và mỗi làng trong ba làng đều có các công sự bố trí khéo để nếu hai làng bị chiếm thì làng kia vẫn là một pháo đài chiến đấu".

Về lực lượng khởi nghĩa, cần nêu : có đông đảo thanh niên trai tráng trong vùng tham gia, cả nam lẫn nữ, thuộc dân tộc Kinh, Mường, Thái... đứng đầu là những văn thân, sĩ phu.

Về diễn biến khởi nghĩa Ba Đình : Bắt đầu từ những hoạt động nhỏ như tập kích, phục kích những toán quân, những đoàn xe vận tải của Pháp trên đường bộ và đường sông, tiến lên những trận đánh lớn đẩy lui các cuộc tấn công lớn của Pháp vào căn cứ cuối năm 1886 đầu năm 1887 ; phân tích thủ đoạn nham hiểm của địch, tinh thần chiến đấu ngoan cường của nghĩa quân trong trận chiến mang tính quyết định đêm 20 - 1 - 1887, mô tả cuộc rút lui quả cảm do Phạm Bành, Đinh Công Tráng và Nguyễn Khế chỉ huy, rút khỏi căn cứ Ba Đình lên Mã Cao (đêm mùa đông giá rét, nghĩa quân mở đường máu thoát ra ngoài, Nguyễn Khế đánh lạc hướng quân Pháp, hi sinh ngay trên trận địa. Sáng ra, xác chết la liệt khắp nơi, cả ta và địch đều tổn thất. Theo tài liệu, hàng trăm nghĩa quân bị hi sinh. Bộ phận rút được ra ngoài lên Mã Cao tiếp tục chiến đấu...).

GV nhấn mạnh : khởi nghĩa Ba Đình thất bại do nhiều nguyên nhân (nêu một số nguyên nhân chính). Nhiều thủ lĩnh bị hi sinh ; ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê bị triệt hạ, nhưng tinh thần Ba Đình thì sống mãi (liên hệ với tên Quảng trường Ba Đình ở Hà Nội hiện nay).

b) Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) : GV hướng dẫn HS nắm nội dung chính theo SGK.

3. Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896)

Đây là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương, cần đi sâu để làm rõ những đặc điểm nổi bật.

Trước hết, GV sử dụng lược đồ để giới thiệu :

– Nghĩa quân xây dựng lực lượng và cơ sở chiến đấu ở hai huyện Hương Khê và Hương Sơn, có các sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố chảy qua. Đó là vùng rừng núi hiểm trở, có đường thông sang Lào ở phía tây, phía bắc ra Thanh Hoá, Hoà Bình; phía nam vào Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế.

– Địa bàn hoạt động : gồm bốn tỉnh – Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, thậm chí có lúc sang cả địa phận nước bạn Lào.

– Lãnh đạo : giới thiệu những nhân vật tiêu biểu là Phan Đình Phùng và Cao Thắng (xem SGK). Nếu có điều kiện, GV phân tích thêm những đức tính, tư chất nổi bật của Phan Đình Phùng, Cao Thắng. Một người có uy tín trong văn thân sĩ phu, tính tình thanh liêm, cương trực, thẳng thắn; một người có ưu thế của tuổi trẻ, tháo vát, sáng tạo. Sự phối hợp giữa hai vị thủ lĩnh này là một đặc điểm khá đặc sắc của khởi nghĩa Hương Khê.

Lực lượng nghĩa quân bao gồm đông đảo nông dân, đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình (cả nam, nữ, có nhiều người xuất sắc).

– Diễn biến :

Căn cứ nội dung SGK, GV cho HS tìm hiểu về các bước phát triển của cuộc khởi nghĩa qua hai giai đoạn chủ yếu : giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn chiến đấu quyết liệt của nghĩa quân .

Giới thiệu một số trận đánh tiêu biểu, nhất là trận tấn công tỉnh lỵ Hà Tĩnh (8 – 1892), giải thoát 700 tù chính trị và nghĩa quân; cuộc tiến quân về Nghệ An (11 – 1893) và sự kiện Cao Thắng đưa 1000 quân mở trận tấn công lớn vào tỉnh lỵ Nghệ An... Cao Thắng hi sinh. Trích dẫn bài thơ điệu của Phan Đình Phùng khóc vị tướng trẻ tài năng :

*"Chưa được đã chết trước rồi; ý trời ra sao?
Có chí mà không thành việc, anh hùng đã vắng".*

(tạm dịch)

Trận Vụ Quang (17 – 10 – 1894), phân tích mưu trí của nghĩa quân khi biết lợi dụng sông suối, tre gỗ để đánh địch.

Cuối mục, GV đặt câu hỏi : Vì sao nói khởi nghĩa Hương Khê được coi là tiêu biểu nhất của phong trào Cần vương chống Pháp? Dựa vào những ý chính của bài, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời : địa bàn rộng lớn, trình độ tổ chức cao, thời gian tồn tại 10 năm.

Từ diễn biến của khởi nghĩa Hương Khê, rút ra những đặc điểm chung của phong trào Cần vương trên những khía cạnh sau đây :

Về mục tiêu : chống thực dân Pháp và phong kiến đầu hàng.

Về tính chất : yêu nước, chống ngoại xâm.

Nguyên nhân thất bại : tránh việc khẳng định ngay nguyên nhân khái quát là thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo, mà cần hướng dẫn HS tìm ra những nguyên nhân cụ thể, sau đó mới khái quát thành nguyên nhân chính. Có thể gợi ý nêu các nguyên nhân như lãnh đạo là những văn thân sĩ phu còn chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến. Khẩu hiệu Cần vương do đó chỉ đáp ứng một phần nhỏ yêu cầu của nhân dân, còn về cơ bản chưa giải quyết triệt để yêu cầu khách quan của sự tiến bộ xã hội. Vì thế sức hấp dẫn của khẩu hiệu này, nhất là đối với nông dân, bị hạn chế nhiều. Khi quyền lợi của lực lượng tham gia chủ yếu không được giải quyết thì sức mạnh không thể phát huy.

Vì bị chi phối bởi quan điểm Nho giáo nên những người lãnh đạo thường phiêu lưu mạo hiểm, ít chú ý đến điều kiện đảm bảo thắng lợi cho cuộc khởi nghĩa, dễ dao động, khi bị dồn vào thế bí đã tìm đến cái chết một cách mù quáng. Kết quả là lực lượng khởi nghĩa bị hao mòn, cuối cùng thất bại.

Một số người lãnh đạo như Phan Đình Phùng, Cao Thắng có ưu điểm nổi trội, nhưng vẫn không thể vượt qua những hạn chế của lịch sử, không có khả năng lãnh đạo một phong trào kháng chiến mang tính toàn quốc. Trong thực tế, các cuộc khởi nghĩa Cần vương đều mang tính địa phương, cô lập với nhau, dễ bị địch đàn áp tiêu diệt.

Tổng hợp những nguyên nhân trên là do thiếu một giai cấp tiên tiến đủ sức lãnh đạo phong trào.

Cuối cùng, GV nêu kết quả, ý nghĩa của phong trào Cần vương chống Pháp.

Để khắc sâu hình ảnh của các cuộc khởi nghĩa Cần vương trong nhận thức và tình cảm của HS, GV hướng dẫn để HS đọc thêm các cuốn sách về những nhân danh, địa danh có liên quan.

Kết thúc mục này, GV có thể ra bài tập để HS về nhà làm.

Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Người lãnh đạo	Địa điểm	Những diễn biến chính của khởi nghĩa	Ý nghĩa

Mục III – Khởi nghĩa Yên Thế và phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi

GV trình bày khái quát về phong trào kháng chiến tự phát của nhân dân, gồm những ý chính sau đây :

– Từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, một phong trào kháng chiến tự phát của nhân dân đã bùng nổ, chống trả bọn xâm lược trong mỗi bước hành quân của chúng, không chờ có người kêu gọi, phát động. Động cơ chủ yếu của cuộc kháng chiến đó là ý thức giữ làng, giữ xóm vốn đã trở thành truyền thống lâu đời của nhân dân ta.

– Từ năm 1885 trở đi, một bộ phận của phong trào được thu hút vào phong trào Cần vương, tại những nơi có sự tập hợp của các văn thân, sĩ phu yêu nước. Bộ phận còn lại vẫn chiến đấu tự phát, hoặc tập hợp xung quanh một số thủ lĩnh địa phương, chiến đấu vì lợi ích địa phương. Cuộc khởi nghĩa Yên Thế là một trong những trường hợp như vậy.

1. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 – 1913)

Khi trình bày về khởi nghĩa Yên Thế, GV có thể bổ sung tóm tắt một số điểm về nguyên nhân phát sinh cuộc khởi nghĩa ; trong đó nhấn mạnh tính cách phóng khoáng, ngang tàng, thượng võ của những con người đã bị tước gần hết quyền sống và quyền tự do. Sống giữa vùng rừng núi khắc nghiệt, phải chiến đấu để giành giật miếng cơm manh áo và bảo vệ cuộc sống bình yên trước nhiều thế lực, đã tôi luyện cho người dân Yên Thế một tính cách mạnh mẽ và khả năng tự vệ rất cao, được nhân dân các địa phương khác thừa nhận trong câu "Trai Cầu Vồng, Yên Thế ; gái Nội Duệ, Cầu Lim". Khi thực dân Pháp mở cuộc hành quân qua đây vào tháng 6 – 1884, nhân dân địa phương, chủ yếu là các đội tự vệ của các làng xã, đã nhất tề đứng lên đánh trả chúng nhằm giữ gìn cuộc sống và đất đai mà họ đã phải đổ mồ hôi, xương máu khai phá. Từ đó, GV rút ra nguyên nhân cơ bản của cuộc khởi nghĩa này là nhu cầu bảo vệ những lợi ích cụ thể, trước mắt của nhân dân. Vì vậy mà nghĩa quân chiến đấu dũng cảm, mưu trí, trung thành nhất mực với nguyện vọng của nhân dân, đồng cam cộng khổ, thương yêu đùm bọc giữa thủ lĩnh và nghĩa quân – những người có cùng cảnh ngộ và cùng mục đích.

Chính nhờ sự phối hợp hài hoà của những nhân tố trên đây, lại có cách đánh linh hoạt, cộng với những yếu tố khách quan thuận lợi khác, khởi nghĩa Yên Thế đã giành được những thành tích chiến đấu vang dội, có khả năng đứng vững khá lâu sau khi những cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương thất bại.

Về tính chất, nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa, GV cần vận dụng những quan điểm, phương pháp luận sử học mácxít để xác định và làm rõ (ví dụ các quan điểm về giai cấp nông dân).

Phong trào nông dân Yên Thế phản ánh sự xung đột giữa những nguyện vọng được sống tự do, yên ổn làm ăn trong một khoảnh trời riêng của những người nông dân lưu tán với kẻ xâm lược và bọn phong kiến tay sai, muốn đưa họ vào vòng nô lệ. Sự xung đột này là một đặc trưng, nhưng nó vẫn chỉ là một bộ phận, một khía cạnh của những xung đột dân tộc, nên cho dù cuộc khởi nghĩa có độc đáo như thế nào đi chăng nữa thì nó vẫn chứa đựng một nội dung dân tộc sâu sắc, giống như nhiều cuộc khởi nghĩa khác trong cùng giai đoạn. Song do xu hướng bình quân biệt lập chi phối, nên nó chỉ có thể lôi kéo được một bộ phận nông dân nào đó chứ không thể lôi kéo được đại bộ phận nông dân đi theo, vì chưa thể thoả mãn được nhu cầu thiết thân của họ là xu hướng tư hữu nhỏ về ruộng đất. Chính hạn chế này đã khiến cuộc khởi nghĩa chỉ có thể phát huy ảnh hưởng trong phạm vi địa phương, bị cô lập và thất bại.

Dù vậy, khởi nghĩa Yên Thế vẫn mang một ý nghĩa hết sức to lớn. Nó biểu dương sức mạnh quật khởi của nông dân và khiến cho thực dân Pháp phải đối phó chặt vật trong suốt 30 năm.

2. Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số

Khi chuyển sang mục này, GV cần hệ thống vấn đề về cuộc bình định quân sự của Pháp sau năm 1884 (đưa quân lên chiếm vùng trung du và miền núi, những khu vực có nhiều tài nguyên thiên nhiên, các vùng nguyên liệu và có vị trí chiến lược quan trọng).

Trong hơn 10 năm cuối thế kỉ XIX, các cuộc hành binh của Pháp đã vấp phải sự chống cự anh dũng của nhân dân các địa phương, trong đó có đồng bào các dân tộc thiểu số.

GV dẫn chứng hành động yêu nước của đồng bào Thượng, Xtiêng, Khơ-me, Mnông trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp xâm lược.

Trong phong trào Cần vương, đồng bào các dân tộc thiểu số có mặt ở các cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê. Nhiều cuộc khởi nghĩa do các tù trưởng, thổ ti, lang đạo ở Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên lãnh đạo đã tự động chống Pháp.

GV gợi ý cho HS tìm hiểu, liên hệ đến các phong trào, các lãnh tụ, những tấm gương chống Pháp ngay trên quê hương mình, hoặc phát hiện, tìm tòi qua sách báo để mở rộng tầm hiểu biết nhằm tuyên truyền, học tập những tấm gương liêm liệt của cha ông.

GV nêu một số câu hỏi vừa để ôn tập, vừa để rèn luyện năng lực khái quát cho HS về cả giai đoạn lịch sử này. Chú ý xoay quanh ba vấn đề : tính chất, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào kháng Pháp từ năm 1885 đến hết thế kỉ XIX.

Giải thích lí do tồn tại hai loại hình : Cần vương và tự vệ. ; tìm ra những nét chung và riêng của mỗi loại.

Về ý nghĩa lịch sử của phong trào, GV nhấn mạnh sự kế tục truyền thống yêu nước, đưa cuộc đấu tranh lên giai đoạn quyết liệt, để lại nhiều bài học kinh nghiệm phong phú trong sự nghiệp cứu nước ở giai đoạn sau.

3. Sơ kết bài học

– Từ năm 1885, mặc dù triều đình Huế đã đầu hàng nhưng nhiều quan lại, sĩ phu và nhân dân yêu nước Việt Nam vẫn không chịu khuất phục trước quân xâm lược.

– Tháng 7 – 1885, phái chủ chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu đã mở cuộc tấn công quân Pháp tại Kinh đô Huế. Cuộc tấn công thất bại, phái chủ chiến phải đưa vua Hàm Nghi ra khỏi Kinh thành, phát động phong trào Cần vương chống Pháp. Phong trào nhanh chóng phát triển ra toàn quốc, kéo dài đến cuối thế kỉ XIX.

– Các cuộc khởi nghĩa Cần Vương và tự phát giai đoạn này chính là sự kế tục truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta, để lại nhiều bài học kinh nghiệm và mang nhiều ý nghĩa sâu sắc.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Về nguyên nhân bùng nổ, GV hướng dẫn HS dựa vào mục 1. Tình hình Việt Nam sau Hiệp ước Hác măng và Hiệp ước Patơnốt, để trả lời. Chú ý : sau hai hiệp ước này, bộ phận kháng chiến trong triều đình Huế vẫn nuôi hi vọng giành lại quyền tự chủ khi có điều kiện.

Được sự ủng hộ của văn thân, sĩ phu yêu nước và quần chúng nhân dân, họ đã tổ chức cuộc phản công quân Pháp (7-1885).

Câu 2. GV gợi ý HS trình bày nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Trong đó cần tập trung vào nguyên nhân chủ quan (giai cấp lãnh đạo, đường lối, chiến lược, chiến thuật) và nguyên nhân khách quan (thời đại, tương quan lực lượng, sức mạnh của đối phương...).

Câu 3. Dựa vào kiến thức trong bài để điền nội dung theo bảng (SGK).

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Thất Thuyết qua đánh giá của những người đương thời

– Người Việt Nam

..."Nội triều lục bộ chư nha⁽¹⁾
Một mình quan Tướng với mà vũ ban⁽²⁾
Quân gia binh mã sẵn sàng,
Phen này quyết đánh cho tan Tây thành⁽³⁾
Quân gia lớn nhỏ triều đình,
Xin đi tiên đạo tới thành giao chinh,
Canh hai⁽⁴⁾ cơm gạo sấm sanh,
Hai bên phường phố lặng tanh như tờ,
Canh ba dàn trận binh cơ,
Canh tư lấy giờ phát lệnh giao công".
... "Quan tướng nghe nói một khi,
Giận thay phiên tặc gan thì xung gan.
Quân gia binh mã sẵn sàng,
Quyết đi phá chiếm kéo Tây bang hại mình".
..." Nước ta quan Tướng anh hùng,
Bách quan văn võ chẳng ai nào tày.
Người có ngọc vệt cầm tay,
Súng bắn suốt ngày chẳng đặng tới thân"
..."Quan Tướng nước mắt rùng rùng :
Tướng là hiệp chiến giao công,
Khôi phục Trấn Bình, nhà nước thung dung.
Tôi xin thụ tội cứu trùng⁽⁵⁾,
Xin Ngài cứu nghị tới cùng cho minh.
Cúi đầu tâu lại triều đình,
Tôi xin phục mạng nộp mình thánh vương".

(Trích : Về thất thủ Kinh đô)

(1) Sáu bộ trong triều đình Huế.

(2) Tôn Thất Thuyết là Thượng thư bộ Binh, nắm quyền chỉ huy quân đội.

(3) Trấn Bình đài (đồn Mang Cá) là nơi đóng quân của Pháp.

(4) Khoảng gần 10 giờ tối 4 – 7 – 1885.

(5) *Cứu trùng* : chỉ nhà vua (Hàm Nghi).

– *Người Pháp*

"Lòng yêu nước của Tôn Thất Thuyết không chấp nhận một sự thoả hiệp nào, ông ta xem các quan lại chủ hoà như kẻ thù của dân tộc... Tuy nhiên, dù cho sự đánh giá ông của những người cùng thời thiên vị như thế nào, một đạo đức lớn đã bộc lộ rõ rệt trong mọi hoàn cảnh của đời ông : đó là sự gắn bó lạ lùng của ông với Tổ quốc".

(Theo : Mác-xen Gô-chi-ê, *Ông vua bị lưu đày*)

"Rõ ràng là Thuyết không bao giờ muốn giao thiệp với chúng ta (chỉ quân Pháp), ông biểu lộ lòng căm ghét không cùng đối với chúng ta trong mọi hoàn cảnh. Chúng ta có thể nói rằng, ông ta đã căm ghét chúng ta : đó là quyền và có lẽ đó cũng là bổn phận của ông ta".

(Theo : Bát-tít, *Cuộc nổi dậy và việc chiếm đóng Kinh thành Huế năm 1885*)

2. Một số thủ lĩnh tiêu biểu

Phạm Bành (1827 – 1887), người làng Tương Xá, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, thi đỗ Cử nhân năm 1864, từng làm Án sát, sau làm Đốc học tỉnh Thanh Hoá, có tiếng là thanh liêm. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, ông bỏ quan về quê tổ chức nghĩa quân kháng Pháp.

Hoàng Bật Đạt (? – 1887), quê ở làng Bộ Đầu, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đỗ Giải nguyên (đỗ đầu kì thi Hương), từng làm quan ở Bắc Kỳ. Sau khi cuộc phản công của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế thất bại, ông về quê, cùng Phạm Bành lập căn cứ Ba Đình.

Đình Công Tráng (1842 – 1887), quê làng Tràng Xá, huyện Thanh Liêm, Hà Nam, từng làm Chánh tổng ở Yên Khánh (Ninh Bình), từng theo Lưu Vĩnh Phúc chống Pháp, có kinh nghiệm trận mạc, sau vào Thanh Hoá cùng các sĩ phu yêu nước lãnh đạo kháng chiến. Ông có công lớn trong việc chỉ đạo xây dựng nghĩa quân và căn cứ Ba Đình.

Hà Văn Mao (? – 1887), thủ lĩnh người Mường trên miền núi phía tây, thuộc châu Quan Hoá (nay là huyện Bá Thước), tỉnh Thanh Hoá.

3. Cao Thắng chế súng

*"Khen thay Cao Thắng tài to,
Lấy ngay súng giặc về cho lò rèn.
Đêm ngày tỉ mỉ giờ xem,*

Lại thêm có cả *Đội Quyên*⁽¹⁾ cũng tài.
Xưởng trong cho chí trại ngoài,
Thợ rèn các tỉnh đều mời hội công.
Súng ta chế được vừa xong,
Dem ra mà bắn núc lòng lấm thay.
Bắn cho tiệt giống quân Tây,
Cậy nhiều súng ống phen này hết khoe".

(Trích : "Về quan Đình"⁽²⁾)

4. Phan Đình Phùng trả lời thư dụ hàng của Hoàng Cao Khải⁽³⁾(trích)

.... Năm Ất Dậu, xa giá thiên tử ngự đến Sơn phòng Hà Tĩnh, giữa lúc đó tôi đang còn tang mẹ, chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế thần cho nên đôi ba phen đức Hoàng thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào từ chối, thành ra tôi phải gắng gổ đứng ra vâng chiếu, không thể dùng được. Gần đây, Hoàng thượng lại đoái tưởng, lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, uỷ thác cho quyền to ; ấy mệnh vua uỷ thác như thế, nếu cố nhân⁽⁴⁾ đặt mình vào trong hoàn cảnh như tôi, liệu chừng cố nhân có đành chối từ trốn tránh được đi hay là không ?

Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải qua mười năm trời, những người đem thân vào việc nghĩa, hoặc bị trách phạt, hoặc bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán nản ngã lòng bao giờ ; trái lại họ vẫn ra tài ra sức giúp đỡ tôi, vả lại số người mạnh bạo ra theo tôi ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm sung sướng thềm thuồng mà bỏ nhà dấn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hăm hở vậy đó. Ấy lòng người như thế, nếu như cố nhân đặt mình vào cảnh tôi, liệu chừng cố nhân có nở lòng mà bỏ đi cho đành hay không ?.

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 679 – 680)

(1) *Đội Quyên* : Túc Lê Quyên, người làng Nội Diên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Chỉ Phan Đình Phùng (đỗ Đình nguyên Tiến sĩ).

(3) Trong những ngày gian nan của khởi nghĩa Hương Khê, Hoàng Cao Khải từ Bắc viết thư dụ dỗ Phan Đình Phùng ra đầu thú. Phan Đình Phùng viết thư trả lời nói rõ ý chí sắt đá của mình và nguyện rửa bọn phản quốc. Đọc thư phúc đáp của cụ Phan, Hoàng Cao Khải vô cùng xấu hổ.

(4) Chỉ bạn cũ.

5. Về cái chết của Phan Đình Phùng ngày 28 – 12 – 1895

*"Nhưng trường vãng mệnh đã mười đông
Vũ Lược còn chưa lập được công,
Dân đói kêu trời sao xác nhận
Quân gian chật đất rộn ràng ong.
Chín lần xa giá non sông cách,
Bốn bể nhân dân nước lửa hồng,
Trách nhiệm càng cao càng nặng gánh,
Tướng môn riêng thẹn mặt anh hùng."*

(Bản dịch của Trần Huy Liệu)

6. Khởi nghĩa Yên Thế

Quân Pháp mô tả một trận giao chiến với nghĩa quân ngày 22 – 12 – 1890 tại Hữu Thuê :

"Trong 3 giờ đồng hồ, cuộc chiến đấu tiếp diễn trong các bụi rậm rì gần như không tìm ra được ngõ : quân phiến loạn không sợ đại bác, cũng không sợ súng trường bắn vãi như mưa, họ phòng thủ vị trí của họ một cách vô cùng quyết liệt, vị trí của họ được xây dựng kiên cố đáng phục. Ba lượt liên tiếp, đạo quân cánh tả do quan tư Tan-nơ chỉ huy xung phong vào công sự phòng tuyến chính của làng Hữu Thuê, nhưng ba lần đều thất bại cả ba mặt đầu võ quan và binh lính rất can đảm. Trước sức kháng cự quyết liệt và trước những tổn thất nặng, viên chỉ huy đạo quân thấy rằng, khôn ngoan nhất là đừng tiếp tục xung phong nữa mà phải lui về Nhã Nam để chờ viện binh và chờ lệnh mới."

(Theo : Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Sđd, tr. 712)